

TIẾN CỬ VÀ TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI DƯỚI TRIỀU NGUYỄN GIAI ĐOẠN 1802 – 1884

Nguyễn Duy Phương¹ và Phạm Đình Đước²

¹*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng*

²*Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn, Đà Nẵng*

Tóm tắt. Tiến cử nhân tài là một chính sách thường được các triều đại quân chủ Việt Nam sử dụng bên cạnh con đường khoa cử nhằm không bỏ sót người tài vì một lí do nào đó mà không dự thi và đang ẩn dật trong nhân dân. Dưới triều Nguyễn, chính sách này được sử dụng khá hiệu quả với không ít người tài xuất thân từ con đường tiến cử được lưu danh tên tuổi như Nguyễn Đăng Tuấn, Thân Văn Quyền, Phan Huy Chú, Nguyễn Tri Phương... Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung làm rõ các phương thức tiến cử nhân tài và việc sử dụng nhân tài tiến cử của các vua Nguyễn, phân tích những ưu điểm, hạn chế của phương thức tiến cử này, từ đó gợi mở những kinh nghiệm hữu ích cho công tác tuyển dụng, sử dụng cán bộ hiện nay.

Từ khóa: nhân tài, triều Nguyễn, tiến cử, trọng dụng, cán bộ.

1. Mở đầu

Các triều đại quân chủ Việt Nam đều xem “hiền tài là nguyên khí của quốc gia”, cho nên bằng nhiều cách thức khác nhau đã nỗ lực tìm kiếm, sử dụng và trọng dụng nhân tài. Bên cạnh khoa cử là chủ yếu, biện pháp tiến cử cũng được thực hiện song hành nhằm không bỏ sót nhân tài. Tiến cử nhân tài là cách tuyển chọn nhân tài không thông qua khoa cử, do một vị quan đương chức trong triều tiến cử hoặc do nhân tài tự tiến cử. Với một triều đại được xây dựng trong bối cảnh nhiều thách thức, các vua triều Nguyễn, từ Gia Long đến Tự Đức đều rất chú trọng đến hình thức tiến cử nhân tài vừa thể hiện chính sách “chiêu hiền đãi sĩ”, vừa mong muốn phát hiện, huy động được nhân tài vào sự nghiệp xây dựng vương triều, phát triển đất nước. Tìm hiểu “tìm kiếm và trọng dụng nhân tài tiến cử dưới thời Nguyễn (1802 – 1884)” không chỉ giúp chúng ta hiểu hơn về phương thức tiến cử nhân tài, một vấn đề còn nhiều khoảng trống trong nghiên cứu lịch sử dân tộc, mà còn gợi mở nhiều kinh nghiệm hữu ích cho công tác cán bộ hiện nay.

Liên quan đến hướng nghiên cứu về việc tiến cử nhân tài dưới triều Nguyễn (1802 - 1884) đã có những công trình đề cập tới với những mức độ khác nhau. *Việc đào tạo và sử dụng quan lại triều Nguyễn từ năm 1802 - 1884* của Lê Thị Thanh Hòa [1] xuất bản năm 1998 là một công trình tái hiện về việc đào tạo, sử dụng quan lại dưới thời các vua đầu triều Nguyễn chủ yếu là thông qua khoa cử, việc tuyển chọn quan lại bằng hình thức tiến cử không được chú trọng tìm hiểu trong công trình này. *Lược khảo về kinh nghiệm phát hiện, đào tạo, sử dụng nhân tài trong lịch sử Việt Nam* [2] của Phạm Hồng Tung, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia năm 2008 đã khái quát nhận thức của ông cha về vai trò của người tài cũng như kinh nghiệm phát hiện, đào tạo và tuyển lựa nhân tài trong lịch sử, chủ yếu dưới thời quân chủ, trong đó tập trung phân tích nguồn

tư liệu dẫn chứng từ thời kì dựng nước đến thế kỷ XIV.

Đáng chú ý, về sách của tác giả nước ngoài có cuốn *Quan và Lại ở miền Bắc Việt Nam* của Emmanuel Poisson. Cuốn sách có đề cập các con đường vào quan trường ở Việt Nam song chủ yếu là từ thời Pháp - một nội dung nằm trong đề tài chúng tôi nghiên cứu.

Bên cạnh đó, những bài báo viết về chính sách tuyển chọn và sử dụng quan lại dưới thời Nguyễn có thể kể đến như: “Chính sách dùng người của triều Nguyễn” của tác giả Vũ Phương Hậu đăng trên *Tạp chí Văn học Nghệ thuật* số 334 tháng 4/2012 [3] cũng có đề cập đến chính sách tiến cử người tài và nêu ra con số khá ấn tượng với 89 người được tiến cử từ thời vua Gia Long cho đến vua Tự Đức, trong đó có “điểm danh” khá nhiều gương mặt thành danh tiêu biểu từ con đường tiến cử. Hay bài “Tu tưởng của Minh Mệnh về đào tạo, sử dụng người tài” của Nguyễn Thị Hiếu (Trường Đại học Công đoàn - Hà Nội) đăng trên *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam* số 7 (68) năm 2013 [4; 57-63]. Bài viết đã khẳng định vua Minh Mệnh rất quan tâm đến người tài, trong đó ông có chú ý đến hình thức tiến cử.

Gần đây, trên *Nghiên cứu Lịch sử* số 9 năm 2018 có bài “Tuyển chọn và sử dụng quan lại ở Nam Bộ dưới thời vua Gia Long và Minh Mệnh” của TS. Lưu Văn Quyết [5; 37-47]. Bài viết khái quát về việc tuyển chọn và sử dụng quan lại dưới triều Nguyễn thời gian từ 1802 - 1840 giới hạn phạm vi ở Nam Bộ, trong đó có việc tiến cử ở địa phương này.

Tuy nhiên, các công trình, sách, và các bài báo nói trên chỉ mới giới thiệu về chính sách tiến cử như là một cách thức tìm kiếm người tài của nhà Nguyễn cho bộ máy quan lại, chứ chưa đi sâu tìm hiểu về chính sách này, đặc biệt là chưa đi sâu tìm hiểu việc sử dụng đội ngũ những người được tiến cử này như thế nào.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các vua Nguyễn đối với phương thức tiến cử nhân tài

Cũng như các triều đại quân chủ trước, triều Nguyễn rất quan tâm đến việc hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước, trong đó vấn đề mang tính cốt lõi, chiến lược là vấn đề con người. Để vận hành bộ máy hiệu quả, củng cố vương triều, phát triển đất nước cần có đội ngũ quan lại thừa hành giúp việc hiệu quả, hay nói cách khác là phải có người tài. Bởi việc tuyển chọn và sử dụng người trong bộ máy nhà nước liên quan mật thiết đến sự hưng thịnh quốc gia.

Năm 1802, sau khi thiết lập vương triều, do nhu cầu cần một số lượng lớn quan lại để xây dựng và kiến thiết đất nước trên cương vực rộng lớn trong khi việc khoa cử chưa thể thực hiện ngay, vua Gia Long chủ yếu sử dụng đội ngũ công thần trung hưng đã kề vai sát cánh cùng nhà vua trước đó, đồng thời kêu gọi những nhân tài, bất kể đó là các cựu thần nhà Lê hay những danh nho ẩn dật, miễn không cộng tác với Tây Sơn ra làm quan để xây dựng đất nước. Vua Gia Long đã hạ lệnh cho các bộ viện đề cử những người mình biết để bổ dụng vào các ty ở các bộ và các Viện Hàn lâm và Thị thư, những công sĩ và hàng quan ai có tài dùng được cũng bổ vào các ty ở bộ, “Mới đây giặc Tây Sơn can phạm đạo thường, làm cho trời đất tối đen trong lúc ấy có nhiều người ẩn náu, không muốn làm quan cho giặc, mà ôm đứ giữ tài là để chờ thời. Nay đang giặc dẹp yên, võ công đã định, chính là buổi chấn hưng văn hóa, xây dựng trị bình. Nhân tài trong đời há chịu cùng với cỏ cây mục nát sao? Vậy nên báo cáo cho nhau, đều đến hành tại để cho bọn Chương Tiền quân Nguyễn Văn Thành, Lễ bộ Đặng Đức Siêu, Tán lý Đặng Trần Thường, Tham tri Phạm Như Đăng, Học sĩ Nguyễn Viên, lần lượt dẫn vào yết kiến. Ta sẽ nghe lời nói thử việc làm, tùy tài bổ dụng, cho người hiền được có vị, người tài được có chức, hợp lòng nghĩ, chia mưu làm, để cùng nên đạo trị nước” [6; 507]. Do đó những người ẩn dật ở Bắc Hà tranh nhau ra giúp việc. Để việc tiến cử bớt sự lẫn lộn phức tạp, năm thứ 11 (1812), vua ban chỉ: “Quan viên văn võ từ nay trở đi phạm có cử người mình biết, viên nào làm chức nào, phải cung khai cam kết ở trong đơn cử; nếu viên được cử sau này có phạm lỗi nhận của đút lót và

không làm được việc, thì viên quan cử ra đều bị liên quan; nếu trong đơn cử, không có lời cam kết, Bộ Lại không được chấp nhận tờ tâu” [7; 310].

Dưới thời vua Minh Mệnh, mặc dù khoa cử đã trở nên phổ biến, việc tiến cử vẫn được tiến hành. Năm Minh Mệnh thứ nhất (1820), vua hạ lệnh cho các quan trong ngoài triều tiến cử những học trò “học rộng văn hay”, có đức hiền lành ngay thẳng, có trình độ, tùy theo tài đức để dùng. Vua dụ: “Hiền tài là đồ dùng của cả nhà nước, cho nên ngoài khoa mục ra, phải nhờ có sử tri, mà chức phận của đại thần là phải đem người tài đức để thờ vua. Trẫm mới nối ngôi, mưu toan gắng gỏi, rất muốn trong triều có nhiều người giỏi, ngoài nội không sót người hiền, để tỏ điểm mưu to, vang lừng đức hóa. Vậy ra lệnh cho các quan ở trong Kinh, văn từ Tham tri, võ từ Đô thống chế trở lên, ở ngoài thì các quan thành dinh trấn, đều cử một hai người có đức hiền lành ngay thẳng và có văn học, không kể là nhà sang hay nhà hèn, đều kê tâu lên” [8; 34]. Trong 21 năm ở ngôi, ngoài bốn lần hạ chiếu cầu hiền, vua Minh Mệnh thường xuyên chú ý tìm kiếm nhân tài thông qua tiến cử. Nhà vua ra lệnh cho các quan văn võ trong triều tiến cử những thuộc hạ có tài nghệ “Trẫm từ khi lên ngôi đến nay chỉ lo có được nhân tài, đã từng tìm kiếm rộng khắp để tùy tài, ghi tên bổ dụng. Nhưng còn nghĩ học trò tài giỏi bị chìm giấu ở hàng quan dưới còn nhiều, nếu không cho tiến dẫn ngoại lệ thì sao đạt đến trên được. Từ nay các nhân viên chuyên quản, văn mà có người kinh sách thông thạo, viết và tính toán tinh thông, võ mà có người thao lược uấn súc, tài nghệ thành thạo, nếu biết đích xác thì dấu chưa dự vào lệ đình thần để cử thì cũng được xét cử cho hai bộ Lại, Binh tâu lên” [8; 119].

Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* ghi lại có 11 lần vua Minh Mệnh ban dụ để cầu hiền tài, yêu cầu tiến cử nhân tài tham gia vào bộ máy hành chính nhà nước. Sau nhiều năm nhắc đi nhắc lại việc tiến cử người tài, song hiệu quả chưa cao, vua Minh Mệnh sốt ruột trách các quan làm không tốt chức phận. Năm 1835, vua dụ rằng: “Kể ra, làm chính trị, việc cần nhất là phải kén lấy nhân tài. Từ khi trẫm lên ngôi, vẫn bớt chỗ ngồi bên tả để đợi bậc hiền tài, đã từng sai mọi người đề cử kẻ mình biết rõ là muốn mở rộng con đường tiến cử người có đức tốt mà chìm lắng ở nơi thấp kém ẩn khuất... Nếu biết đích xác người có thành tích tốt, có danh tiếng hay hoặc là người xuất thân con đường chính, hoặc là người phẩm cách đoan trang, ngay thẳng, thì có thể đưa ra tiến cử được, chứ trẫm có buộc phải là chỗ kết giao thân mật, hiểu biết tường tận cả tài lẫn đức người ta đâu? Vậy sao lại trịnh trọng thái quá để đến nỗi chậm trễ, lâu không đề cử được!” [9; 826-827].

Có thể nói rằng, Minh Mệnh là một trong những vị vua quân chủ Việt Nam điển hình về việc kế thừa và vận dụng thành công tư tưởng chính trị trọng dụng người tài của Nho giáo vào đạo trị nước. Minh Mệnh có quan niệm sâu sắc về vai trò của người hiền tài và phương pháp tuyển chọn người hiền tài để xây dựng đất nước, trong đó chính sách tiến cử được sử dụng khá hiệu quả dưới thời của ông.

Các vị vua kế tiếp là Thiệu Trị và Tự Đức vẫn duy trì cách dùng người thông qua tiến cử. Thiệu Trị năm thứ nhất (1841), thứ 6 (1846) ban dụ với nội dung: “Cách thức trị nước, cốt được nhân tài; trẫm từ lúc mới lên ngôi, chỉ nghĩ mưu dùng người cũ, hầu mong nước được thịnh trị” [10; 100]; “càng nghĩ cử người hiền không giống nhau, hoặc cử về tính nết, hoặc cử về ngôn ngữ, không thể hạn bằng một cách, phải nên hỏi xét rộng khắp, rồi sau lời hay không ẩn giấu, được nhiều hiền tài mà đạo trị nước càng thịnh vượng; vậy truyền dụ cho các trực tỉnh phải xét hỏi kỹ hơn, phàm có kẻ sĩ hiền lương trung chính, nói thẳng can gián đến cùng, đều cho các quan thượng ty địa phương ấy dẫn về Kinh, qua bộ sát hạch, chờ Chỉ bổ dụng; hoặc có người ẩn ở hang núi tự vui, không cần được biết tiếng, mà đạo đức kinh luân, mọi người vẫn tin phục, cũng cho đều nêu tên tâu lên, cho mang lễ triệu mời, để tỏ thịnh ý bỏ trống ngôi cao mà cầu hiền tài; không cứ hạt mình hay hạt khác, phàm có biết thực thấy rõ người nhân phẩm tốt giỏi đáng cấp bậc ấy, thì cho được nêu tên tiến cử, làm sớ tâu lên, giao bộ dẫn vào yết kiến, để tùy tài bổ dụng” [11; 196-197].

Vua Tự Đức vừa mới lên ngôi cũng ban ngay dụ yêu cầu quân thần tiến cử người tài: “căn bản trị nước cốt ở được người, phương pháp được người, cốt ở tuyển cử; thế mới ban Dụ cho mọi người đều biết. Hỡi các người từ quan công khanh đến các quan địa phương, hãy suy lòng thành để vào bụng người, trăm mong muốn thế, nhắc người hay, cử người hiền, là tài của các quan, thực nên đem hết sự thấy nghe làm tai mắt trăm, thì lời hay không ả giấu, thôn quê không bỏ sót người hiền [12; 197]. Năm Tự Đức thứ 23 (1870), nhà vua tiếp tục ban dụ “yêu cầu ân quan văn võ trở lên, hoặc cả nha hay tỉnh xét được người trong tiêu thuộc, hoặc người nha khác, hạt khác người nào là tài đức rất xuất sắc, có thể làm được ân quan trở lên hoặc làm được chức phủ, huyện bận nhiều việc, thì cho hằng năm tiến cử vài người, hoặc cử riêng, hoặc cả nha cử chung đều được, nhưng phải biết thực thấy rõ tra ra việc thực, có thể làm được chức gì, để thấy việc thuộc quan đại thân vì nước tiến người hiền. Sau bổ dụng, nếu cử được xứng chức thì có hậu thưởng, không thì phạt nặng liền theo. Không được như lời tiến cử thì được giảm bậc xử tội, duy có ăn tiền làm lỡ việc lớn thì không được giảm, nếu không có người thì thôi, chớ để có lạm cử” [13; 1255-1256]. Những việc làm trên cho thấy Tự Đức là ông vua trăn trở với vận mệnh đất nước, mong muốn chiêu mộ được nhiều nhân tài khi tích cực yêu cầu quân thần tìm kiếm, tiến cử hiền tài. Tiếc rằng với nền giáo dục Nho giáo và sự lỗi thời lạc hậu của chế độ quân chủ đã không sản sinh ra được những nhân tài đáp ứng yêu cầu lịch sử để đưa đất nước phát triển, vượt qua thử thách trước sức mạnh của văn minh phương Tây.

Thông qua nhiều chỉ dụ được liên tục ban hành dưới thời vua Gia Long cho đến Tự Đức về việc tiến cử người tài đã cho ta thấy các vua đều nhận thức được rõ ràng tầm quan trọng của phương thức tiến cử nhân tài bên cạnh con đường tuyển chọn thông qua khoa cử. Cách thức tiến cử nhân tài cũng được các triều vua này cho tiến hành với nhiều hình thức đa dạng, cởi mở, không chấp thân phận hay nguồn gốc, cốt yếu tìm được người tài và huy động được họ tham gia vào công cuộc trị nước. Tuy nhiên, để việc tiến cử người tài đạt được hiệu quả như mong muốn, hạn chế những trường hợp bất tài vô dụng lọt được vào bộ máy nhà nước thông qua phương thức tiến cử này, các vua Nguyễn cũng đã có những quy định rất chặt chẽ, cụ thể về tiêu chuẩn và trách nhiệm của người được tiến cử và người tiến cử.

2.1.1 Tiêu chuẩn, trách nhiệm của người tiến cử và người được tiến cử

Dưới triều Nguyễn, việc tiến cử nhân tài cho nhà nước cũng là nghĩa vụ của quan viên các cấp. Để bảo đảm sự tiến cử không vì lợi ích riêng, người tiến cử phải lấy tước vị, phẩm hàm của mình đảm bảo rằng người được tiến cử là có tài, xứng đáng với chức vị được giao, cũng như họ sẽ cũng bị liên đới trách nhiệm nếu người được tiến cử không có thực tài, không làm được việc. Từ những năm đầu nhà Nguyễn, Gia Long đã ban chỉ dụ quy định: “Quan viên văn võ từ nay trở đi, phẩm có cử người mình biết, viên nào làm chức nào phải cung khai cam kết ở trong đơn cử, nếu viên được cử có phạm lỗi nhận của đứt lốt và không làm được việc thì viên quan cử ra đều bị liên quan. Nếu trong đơn cử không có lời cam kết, Bộ Lại không được chấp nhận tờ tâu” [14; 310].

Dưới triều đại mình, vua Minh Mệnh tiếp tục hoàn chỉnh hơn lệ tiến cử bằng những quy định chặt chẽ. Năm Minh Mệnh thứ 11 (1830), nhà vua ban dụ cho phép: “Thượng thư thì cử người làm được Hiệp trấn; Tham tri thì cử người làm được Tham hiệp; Thị lang thì cử người làm được Tri phủ, Đồng phủ; Lang trung thì cử người làm được Tri huyện, Huyện thừa” [15; 313]. Năm 1835 nhà vua bổ sung thêm: “Thượng Thư được cử người khả làm Bố Chánh, Tham tri 6 bộ, phó đô ngự sử viện, Đô sát được cử án sát, thị lang 6 bộ và quan tam phẩm được cử người (giữ chức) tri phủ, đồng tri phủ, Lang Trung được cử Tri huyện... Ở tỉnh: Tổng đốc, Tuần phủ, nếu không có Tổng đốc, Tuần phủ thì cho Bố chánh, Án sát thì tùy tỉnh lớn hay nhỏ được bầu cử phủ, huyện thuộc hạt một, hai người hoặc hai, ba người cũng được” [16; 314]. Trong khi tiến hành phương thức tiến cử, vua Minh Mệnh thường xuyên có sự điều chỉnh các quy định cho ngày càng hiệu quả hơn và hạn chế các tiêu cực. Trước thực tế cũng đã có không ít trường hợp tiến cử không đúng người, đúng việc, năm Minh Mệnh thứ 17 (1836), nhà vua đã cho định lại

thể lệ tiền cử quan chức văn võ “Việc cử người phải biết rõ ràng, đích xác. Tài nghệ quan võ, thì tả ban (chỉ quan văn) biết làm sao được; quan văn giỏi hay không thì hữu ban (chỉ quan võ) cũng không thể am tường. Thế mà cứ noi theo nếp cũ, phụ họa lẫn nhau, há chẳng phải có danh mà không có thực? Nay chuẩn định: hễ giao đình thần cử các chức khuyết, thì bên văn cử chức văn, bên võ cử chức võ, không cần phải dự bàn lẫn nhau” [17; 899].

Vua Thiệu Trị ngay năm đầu lên ngôi (1841) cũng đã ban hành định lệ về người tiền cử: “Các quan đại thần trong Kinh ngoài các trấn đều cử một người mình biết, ban văn: Đại học sĩ thì cử người làm được Bô chính; Thượng thư đô ngự sử và thượng thư kiêm Tổng đốc thì đều cử người làm được Án sát và Lang trung 6 bộ; Tham tri, phó đô Ngự sử, Tuần phủ thì đều cử người làm được quan khoa đạo; Viên ngoại lang, Thị lang, Kinh doãn, Bô chính thì đều cử người làm được tri phủ, đồng Tri phủ; Lang trung, Biện lí bộ vụ, Phủ thừa, Án sát thì đều cử người làm được tri huyện, tri châu; các người được cử trên đây, không kể ở thuộc hạt mình hay hạt khác, phàm có biết thực thấy rõ người nào nhân phẩm tốt giỏi, cấp bậc tương xứng thì cho được nêu tên bầu cử tiến trình, giao cho bộ dẫn vào yết kiến, tùy tài bổ dụng, không được đem họ hàng bè đảng, lạm cử người không xứng đáng, nhân việc công đi đến việc tư, là thực tự chuốc lấy tội” [18; 195-196].

Đến thời vua Tự Đức, lúc đầu quy định về người tiền cử cũng giống như thời Minh Mệnh, Thiệu Trị. Tuy nhiên, đến năm Tự Đức thứ 10 (1857) thì quy định “thoảng” hơn, chức vụ các viên quan cấp thấp vẫn được tiến cử. Điều này thể hiện rõ trong Dụ năm 1857: “Với quan văn thì cử về văn, quan võ thì cử về võ, hoặc quan văn mà biết người có tài võ cũng được đề cử. Hoặc là cử riêng, hoặc là cùng cử cũng được. Nếu không có được người, cũng đừng miễn cưỡng” [19; 521]. Theo đó, sự “thoảng” hơn không chỉ với các viên quan cấp thấp vẫn được tiến cử mà còn “phá lệ” khi quan văn mà biết người có tài võ cũng được đề cử. Từ năm 1876, việc chiêu mộ nhân tài được phổ biến rộng rãi bằng cách cho phép cả quan và dân ai có phương thuật tài năng có thể tự tiến cử không hạn chế. Như vậy, đến đời vua Tự Đức việc chiêu mộ nhân tài bằng hình thức tiền cử đã không còn một rào chắn nào. Đây có thể nói là một chính sách cởi mở và thoáng đạt mà từ trước đến bấy giờ mới có.

Đối với người được tiến cử, nhà Nguyễn cũng có những quy định về tiêu chuẩn và trách nhiệm rõ ràng. Cách nhìn nhận về người tài của các vị vua đầu triều Nguyễn cũng hết sức cởi mở. Người tài không nhất thiết phải là người toàn bích, tinh thông mọi lĩnh vực. Trong bản Dụ năm 1821, vua Minh Mệnh đưa ra tiêu chuẩn cho người được tiến cử là: “Văn thì đức hạnh hiền lành, văn học thông luyện, viết chữ và tính toán tinh tường, đó là tiêu chuẩn để chọn người chuyên việc cai quản (quản lý). Võ thì phải là người thao lược, am hiểu về võ nghệ, gân cốt phải khoẻ mạnh, có một trong những khoản ấy thì có thể cho làm việc được, kê khai thành danh sách, ban văn thì do bộ Lại, ban võ thì do bộ Binh tâu lên để xem xét rõ rồi cho bổ dụng để không sót người tài, chỉ mong được thịnh trị” [20; 132]. Người được cử đều phải tỏ ra thực tài, thực hạnh, như văn thì tài cán, học thức thông thạo hoặc am hiểu thể lệ, tinh thông giấy tờ; nha lại cũng phải viết tính tinh thông cẩn thận. Võ thì dũng cảm, có tài nghệ và sai phái đặc lực, vốn có công lao, đều lấy không tham làm quý, không được noi theo sáo ngữ, để kẻ bất tài được mập mờ tiến dụng [21; 1255-1256]. Năm 1861, vua Tự Đức xuống chiếu dụ các quan tiến cử những người tài giỏi, nhà vua đã đưa ra 10 tiêu chuẩn để tuyển chọn: Người nào hiểu rõ binh pháp, biết thao lược, có thể làm đại tướng được; Người nào khoẻ mạnh hơn người, cướp cờ giặc, chém tướng giặc, có thể làm tiên phong được; Người nào võ nghệ hơn người, tài khu xử được, có thể làm chức tán kỵ được; Người nào am hiểu thiên văn, khéo xem chiều gió, biết rõ thuật số, có thể dùng làm người giúp đỡ bàn kế hoạch được; Người nào biết rõ địa thế, thạo thuộc các chỗ hiểm, chỗ bằng, có thể làm hướng đạo được; Người nào tinh tường có biến động, có việc là tính được, có thể cùng bàn về tình hình việc quân được; Người nào nói năng lanh lợi, khiến người dễ xiêu lòng, có thể làm thuyết khách được; Người nào biết nghề làm thuốc, công hiệu thành thần, có thể làm thầy thuốc giỏi hơn cả trong nước được; Người nào đi lại nhanh nhẹn, thám thính việc

cơ mật, có thể làm thám tử được; Người nào kĩ nghệ tài khéo chế tạo khí giới đánh giặc được [22; 712-713]. Người nào thoả mãn được một trong 10 tiêu chuẩn này, sau khi xem xét, nếu đúng thực sẽ được bổ dụng. Có thể thấy rằng, so với thời Minh Mệnh, tiêu chuẩn về người được tiến cử của vua Tự Đức cũng “thoảng” hơn, không chỉ bó hẹp trong phạm vi quan văn, võ mà được mở rộng ra nhiều lĩnh vực trọng dụng như “làm thuyết khách”, “hướng đạo”, “thầy thuốc”, “thám tử”... Với quan điểm đó, về sau, vua Tự Đức lại ra lệnh cho đình thần tiến cử những người có học thức, có tài trí, hiểu biết về thời thế trong và ngoài nước, biết được chữ và tiếng nước ngoài để thu dụng vào làm việc.

Trách nhiệm người được tiến cử phải trung thực, không được gian dối như hối lộ, đút lót quan lại để được tiến cử, phải đem tài năng của mình ra phục vụ. Nhà Nguyễn đề cao sự trung thực, coi đó là phẩm chất cần có của quan lại. Minh chứng là năm Minh Mệnh thứ 4 (1823), quản lý Văn thư phòng là Hoàng Quỳnh dâng sớ cử bốn hương cống Phan Thế Chân, Tào Quang Lê cùng sĩ nhân Nguyễn Đăng Giai làm hành tẩu Văn thư phòng. Vua sai Nguyễn Hữu Thận và Phan Huy Thực xét hạch. Văn lí đều dự hạng bình. Rồi Thế Chân và Quang Lê trần rằng: Lạm dự khoa trường, được vào Quốc tử giám học tập, từ trước đến giờ sinh viên ở giám được bổ thụ, hoặc tự chỉ vua cho, hoặc tự giám quan lựa chọn, nay không do con đường ấy tiến thân thì sợ là lối khác để sĩ phụ chê bần. Đăng Giai cũng tự trần rằng: Cha là Nguyễn Đăng Tuân, nhờ ơn nước quan tâm đến tam phẩm, nay mình tài mọn, bỗng được ứng cử, tai mắt người ta ai cho là vô tâm; vả lại cùng Hoàng Quỳnh quen biết nhau đã lâu, dẫu sự đề cử không phải là tư tình, nhưng quen biết dẫu nhau cũng khó lòng tránh khỏi lời bình phẩm của sĩ phụ. Ba người đều chối bổ thụ, để đợi học hành tiến lên. Vua khen là khí khái, đều y cho [23; 132]. Còn nếu không trung thực sẽ bị xử nặng. Sử triều Nguyễn ghi rõ: phạm tiến cử người không có tài, một người phạt 80 trượng, cử 2 người lại nặng thêm một bậc. Người được tiến cử ra có biết việc tiến cử ấy thì cũng phải tội như người tiến cử, nếu không biết thì không bắt tội [24; 207].

Ngoài những quy định cụ thể về tiêu chuẩn, trách nhiệm của người tiến cử và người được tiến cử nhằm thực sự mong muốn tìm ra người tài bằng phương thức tiến cử, hạn chế những tiêu cực, nhằm lẫn trong tuyển chọn, các vua Nguyễn còn chú ý khen thưởng khi quan viên tiến cử đúng người giỏi, ngược lại cũng trừng phạt rất khiêm khắc những trường hợp lợi dụng chính sách này để trục lợi, mắc sai lầm trong tiến cử... Có thể dẫn ra nhiều trường hợp cụ thể như Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức tiến cử Thân Văn Quyền được vua Minh Mệnh khen thưởng; Phan Huy Chú, sau khi được mời về kinh đô làm việc, dâng lên sách *Lịch triều hiến chương loại chí* đã được vua Minh Mệnh ban thưởng... Cũng dưới thời vua Minh Mệnh, trong lần ra Bắc tiếp sứ Trung Hoa, đích thân vua Minh Mệnh đã trực tiếp sát hạch Phạm Đình Hồ, một người nổi tiếng học giỏi nhưng thi cử lận đận. Sau cuộc sát hạch, biết Phạm Đình Hồ là người có thực tài, vua Minh Mệnh quyết định ban thưởng lương mỗi tháng hai phương gạo và hai quan tiền như lệ với Hương cống, làm Hành tẩu ở 6 bộ, sau đó đã bổ dụng Phạm Đình Hồ làm quan với chức Ngũ phẩm [25; 314]. Trái lại, nếu tiến cử không đúng người sẽ bị xử phạt theo luật định. Theo ghi chép của sử nhà Nguyễn, phạm tiến cử người không có tài, một người phạt 80 trượng, cử 2 người lại nặng thêm một bậc. Người được tiến cử biết rõ việc tiến cử không xứng chức thì cũng phải tội như người tiến cử, nếu không biết thì không bắt tội. Ngay cả quan to nhiều công trạng cũng bị xử nghiêm như trường hợp Nguyễn Công Trứ. Năm 1831, vua Minh Mệnh đã xử phạt Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Nhược Sơn tội thiên vị cử không đúng người. Theo nghị chuẩn cho thô hào Hạ Quý Trại là người không có học thuật gì, thế mà Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ, Hiệp trấn Nam Định Nguyễn Nhược Sơn lại giúp hắn, cùng kí tên bầu cử cho thụ quyền chức huyện thừa, tư tình nhận của lót tuy không thể biết, nhưng dụng tâm thiên tư, không xét cũng rõ. Hạ Quý Trại phải đánh ngay 100 trượng, truy thu bằng của thành cấp, bắt phải về quê nhận sai dịch; còn kẻ trái lệ, lạm cử người không xứng đáng là Nguyễn Công Trứ thì giáng bổ làm tri huyện ở Kinh; Nguyễn Nhược Sơn thì giáng bổ làm tri huyện Tiền Hải [26; 187-188].

Như vậy, so với các triều đại trước, trong chính sách tiến cử nhân tài, nhà Nguyễn đã có bước tiến khi hoàn thiện những quy định về tiêu chuẩn, trách nhiệm của người tiến cử và người được tiến cử; đồng thời thực hiện chính sách này công bằng, nghiêm minh và khá hiệu quả.

2.1.2 Việc sử dụng nhân tài tiến cử dưới triều Nguyễn (1802 – 1884)

Dưới triều Nguyễn những người xuất thân từ khoa cử khi bổ dụng làm quan đã có những quy định cụ thể, còn những người xuất thân từ con đường tiến cử vẫn theo quy định “tùy tài bổ dụng”. Sử liệu cho thấy, những người xuất thân từ con đường tiến cử được sử dụng trên nhiều lĩnh vực: làm quan, làm thầy dạy học, nghiên cứu, y học, nghệ nhân kỹ thuật và các lĩnh vực khác, nhưng phổ biến nhất vẫn là đảm nhận các chức quan trong bộ máy hành chính từ trung ương cho đến địa phương. Theo *Đại Nam liệt truyện*, trong thời gian trị vì của bốn vị vua đầu triều Nguyễn (1802 – 1884) đã có 44 người xuất thân từ tiến cử được bổ dụng làm quan, trong đó tiêu biểu có Đặng Đức Siêu, Ngô Đình Giới, Đặng Trần Thường, Vũ Văn Giai...

Bảng 1. Danh sách nhân tài được tiến cử dưới triều Nguyễn (1802 - 1884)

STT	Họ tên	Quê quán	Triều vua
1.	Nguyễn Bảo Trí	Thừa Thiên Huế	Gia Long
2.	Đặng Đức Siêu	Bình Định	Gia Long
3.	Ngô Nhân Tĩnh	Gia Định	Gia Long
4.	Nguyễn Văn Khiêm	Thừa Thiên Huế	Gia Long
5.	Trần Công Hiến	Quảng Ngãi	Gia Long
6.	Nguyễn Đình Đắc	Nghệ An	Gia Long
7.	Nguyễn Khắc Thiệu	Thanh Hóa	Gia Long
8.	Nguyễn Quang Diệu	Thừa Thiên Huế	Gia Long
9.	Lê Đại Nghĩa	Thừa Thiên Huế	Gia Long
10.	Nguyễn Du	Hà Tĩnh	Gia Long
11.	Vũ Trinh	Bắc Ninh	Gia Long
12.	Nguyễn Đình Tứ	Hà Nội	Gia Long
13.	Nguyễn Viên	Thanh Hóa	Gia Long
14.	Lê Chất	Bình Định	Gia Long
15.	Trần Văn Chạc	Quảng Nam	Gia Long
16.	Nguyễn Hữu Thận	Thừa Thiên Huế	Gia Long
17.	Ngô Đình Giới	Quảng Bình	Gia Long
18.	Đặng Trần Thường	Hà Nội	Gia Long
19.	Nguyễn Cư Sĩ	Thừa Thiên Huế	Minh Mệnh
20.	Vũ Xuân Cẩn	Quảng Bình	Gia Long
21.	Nguyễn Đăng Tuân	Quảng Bình	Gia Long
22.	Nguyễn Khoa Minh	Thừa Thiên Huế	Gia Long
23.	Nguyễn Xuân	Thanh Hóa	Gia Long
24.	Ngô Bá Nhân	Quảng Trị	Gia Long
25.	Nguyễn Kim Bảng	Thừa Thiên Huế	Gia Long
26.	Bùi Phổ	Hà Nội	Gia Long
27.	Hoàng Kim Sán	Quảng Bình	Gia Long
28.	Hoàng Kim Hoán	Thừa Thiên Huế	Gia Long

29.	Lê Đại Cương	Bình Định	Gia Long
30.	Vũ Văn Giải	Quảng Ngãi	Gia Long
31.	Phan Huy Chú	Sơn Tây (Hà Nội)	Minh Mệnh
32.	Nguyễn Tri Phương	Thừa Thiên Huế	Minh Mệnh
33.	Phạm Đình Hổ	Hải Dương	Minh Mệnh
34.	Nguyễn Công Nhân	Đồng Nai	Minh Mệnh
35.	Lê Đình Lý	Bình Định	Minh Mệnh
36.	Thân Văn Quyền	Thừa Thiên Huế	Minh Mệnh
37.	Hồ Uy	Thừa Thiên Huế	Minh Mệnh
38.	Hoàng Chính	Hà Tĩnh	Minh Mệnh
39.	Lê Sỹ	Quảng Bình	Thiệu Trị
40.	Nguyễn Văn Phong	Bình Định	Thiệu Trị
41.	Nguyễn Văn Lợi	Quảng Nam	Tự Đức
42.	Phan Hoàng Nghị	Nghệ An	Tự Đức
43.	Nguyễn Văn Hùng	Quảng Bình	Tự Đức
44.	Phan Đình Thỏa	Quảng Yên, Trung Quốc	Tự Đức

[Nguồn: Thống kê từ sách Đại Nam liệt truyện, Nxb Thuận Hóa, năm 2014]

Các nhân tài được tiến cử ngoài việc được bổ dụng làm quan, họ còn được triều đình trọng dụng, tạo điều kiện phát huy sở trường, tài năng trên nhiều lĩnh vực khác. Đơn cử như trong lĩnh vực văn chương, phải nói đến đại thi hào, danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du. Sử nhà Nguyễn chép: Năm Gia Long thứ 4 (1805), “Đặng Trần Thường dâng sớ tiến cử tiến sĩ triều Lê cũ là Nguyễn Du, hương cống bọn Nguyễn Trung Chiếu 14 người, hạ lệnh vời về kinh đô xét dùng” [27; 632]. Năm 1806, lấy Nguyễn Du làm Đông các đại học sĩ. Năm Gia Long thứ 8 (1809), ông ra làm Cai bạ Quảng Bình, rất có công trong việc trị dân. Năm Gia Long thứ 12, ông được thăng chức Cần chính Điện học sĩ, sung chức Chánh sử để sang nhà Thanh cống nạp hàng năm. Đến khi về hưu, ông được thăng chức Hữu Tham tri bộ Lễ [28; 76]. Những năm tháng làm quan dưới triều Nguyễn, Nguyễn Du đã để lại sự nghiệp văn chương đồ sộ, trong đó tiêu biểu nhất là tác phẩm Truyện Kiều. Việc nhà Nguyễn trọng dụng Nguyễn Du, một quan lại cũ của nhà Lê đã góp phần cho sự ra đời một danh nhân văn hóa không chỉ của thời đại mình.

Trong lĩnh vực dạy học, tiêu biểu có Ngô Đình Giới, Thân Văn Quyền, Nguyễn Đăng Tuân. Khi được Đại học sĩ Trịnh Hoài Đức tiến cử Thân Văn Quyền, xét thấy là người tài đức, vua Minh Mệnh đã bổ dụng, sung chức Tư giảng ở trường Quốc Tử Giám. Còn Nguyễn Đăng Tuân khi đã về hưu nghỉ ngơi ở quê nhà thì được chính vua Thiệu Trị ban dụ “năn nỉ” trở lại kinh thành dạy học cho các hoàng tử [29; 182]. Giáo dục, dạy bảo các Hoàng tử, Hoàng tôn là một việc rất quan trọng vì phải làm gương cho thiên hạ, cũng như phải có đủ tài trí để duy trì cơ nghiệp, xây dựng giang sơn, đất nước, do đó chức Sư bảo phải lựa chọn cẩn thận, kỹ càng. Việc Ngô Đình Giới, một người từng làm việc cho nhà Tây Sơn được lựa chọn cho thấy Gia Long đã bỏ qua định kiến, sẵn sàng “vì việc chọn người”, “cựu Ký lục Ngô Đình Giới trước bị cắt chức, nay đặc cách chuẩn phục làm Ký lục Giới Tiết hầu, lấy chức ấy chuyên dạy dỗ Hoàng tử” [30; 223].

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nhân tài xuất lộ từ con đường tiến cử có Phan Huy Chú, Phạm Đình Hổ. Trường hợp Phan Huy Chú là được chính vua Minh Mệnh mời về kinh thành làm việc sau khi biết tiếng về tài năng của ông. Trong cuộc đời làm quan của mình, Phan Huy Chú để lại nhiều công trình nghiên cứu giá trị như *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Hoàng Việt dư địa chí*, *Hoa thiều ngâm lục*, *Hải trình chí lược*... Vua Minh Mệnh đã bổ dụng Phạm

Đình Hồ làm quan với chức Ngũ phẩm và ban dụ rằng: “Đình Hồ là người cương trực, không xu nịnh người có quyền, nên ưu đãi để khuyến khích người sau” [31; 538].

Tìm hiểu về vấn đề sử dụng người tài chúng tôi thấy rằng, đội ngũ tiến sĩ dưới triều Nguyễn cũng như quan lại xuất thân từ khoa cử được bổ nhiệm vào các chức quan cao hay thấp tùy thuộc vào hạng thi đỗ, tuy nhiên việc thăng tiến sau đó tùy thuộc vào năng lực thực sự của họ. Trong khi đó, những người tài xuất thân từ con đường tiến cử được bổ nhiệm theo nguyên tắc “tùy tài bổ dụng”, phần lớn đều được bổ nhiệm vào các vị trí, chức vụ phù hợp với tài năng của mình, tuy nhiên hầu hết đó đều là những chức vụ “vừa và nhỏ”. Nhưng trong sử dụng quan lại nhà Nguyễn đã không câu nệ vào xuất thân, thực tế nhiều người xuất thân từ tiến cử có tài năng, hoàn thành tốt nhiệm vụ đã được trọng dụng và thăng tiến trong sự nghiệp, đạt đến đỉnh cao danh vọng như Đặng Đức Siêu, Nguyễn Đăng Tuấn, Trương Đăng Quế, Phan Huy Chú, Nguyễn Tri Phương... Trong sách *Đại Nam liệt truyện*, phần về các quan được chép thành truyện riêng: có 346 người (dưới 4 triều vua: Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức). Trong đó, số quan lại xuất thân từ khoa cử là 247 người, số quan lại không thi cử nhưng được triều Nguyễn dùng là 99 người, cụ thể như sau:

Bảng 2. Thống kê số lượng quan lại xuất thân từ khoa cử và tiến cử dưới thời các vua đầu triều Nguyễn (1802 – 1884)

STT	Triều vua	Tổng số	Trong đó			
			Quan lại xuất thân khoa cử	%	Quan lại xuất thân tiến cử	%
1	Gia Long	58	20	34,5	38	65,5
2	Minh Mệnh	127	95	74,8	32	25,2
3	Thiệu Trị	63	49	77,8	14	21,2
4	Tự Đức	98	83	84,7	15	15,3
Tổng cộng		436	247	71,4	99	28,6

Nguồn: Tổng hợp từ Đại Nam liệt truyện, Nxb Thuận Hóa, năm 2014.

Theo số liệu thống kê ở trên có thể thấy: Bộ máy quan lại triều Nguyễn từ 1802 đến 1884 được hình thành thông qua 2 cách: khoa cử và tiến cử. Về chung cuộc, trong hơn 80 năm đó, số lượng quan xuất thân từ khoa cử nho học chiếm gần 3/4 (71,4%), số quan xuất thân từ tiến cử chỉ chiếm hơn 1/4 (28,6%). Tỷ lệ số quan lại xuất thân từ khoa cử qua 4 triều vua tăng dần từ 34,5% đến 74% và 77% dưới triều Minh Mệnh, Thiệu Trị và tới trên 84 % dưới triều Tự Đức. Trong bốn triều vua, chỉ riêng 20 năm thời vua Gia Long, vị vua đầu triều Nguyễn, số lượng quan xuất thân từ tiến cử chiếm tỷ lệ cao (trên 60%). Nhưng bắt đầu từ thời Minh Mệnh, tỷ lệ các quan xuất thân từ khoa cử nho học tăng lên đột ngột, và từ đó qua thời Thiệu Trị đến thời Tự Đức, số quan xuất thân từ khoa cử Nho học luôn chiếm phần lớn. Trong số người tài được tiến cử, có người chưa từng làm quan, có người từng là quan lại cũ nhà Lê, có người đã làm quan nhưng được cử giữ chức vụ cao hơn. Đáng chú ý, thời Gia Long người tài tự tiến cử chiếm số lượng khá lớn. Đó là những danh sĩ ẩn dật tự tìm đến, quan lại cũ của nhà Lê về quy thuận dưới trướng Gia Long, thậm chí có cả những người từng cộng tác với nhà Tây Sơn quy thuận vẫn được trọng dụng như trường hợp Lê Chất, Ngô Đình Giới... Từ thời Minh Mệnh, hình thức tự tiến cử ít dần và đến thời Thiệu Trị, Tự Đức thì hầu như không còn. Về quê quán, người được tiến cử đến từ nhiều tỉnh khác nhau trên cả nước (xem thêm bảng 1). Điều này cho thấy chính sách tiến cử được nhà Nguyễn phổ biến cho các quan thân khá rộng, nhưng về cơ bản người được tiến cử vẫn đến từ các địa phương có truyền thống hiếu học lâu đời như Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Gia Định, Đồng Nai... Trong đó, Thừa Thiên Huế là địa phương có nhiều người tài được tiến cử nhất. Theo chúng tôi, điều này xuất phát từ việc lúc bấy giờ Thừa Thiên Huế là nơi nhà Nguyễn đóng kinh đô

nên chính sách này được nhiều người biết đến và cũng thuận lợi cho việc người tài “ra mắt triều đình” để tìm kiếm cơ hội khẳng định năng lực bản thân ở chốn quan trường.

Về chức vụ, phần lớn những người được tiến cử được bổ làm quan phủ, huyện; huấn đạo ở các địa phương hoặc chức quan nhỏ ở Nội các... Trong quá trình làm việc nếu chứng tỏ được năng lực cơ hội thăng tiến vẫn rộng mở. Tiêu biểu như Nguyễn Du được thăng làm Chánh sứ phụ trách đi sứ ngoại giao với nhà Thanh, đặc biệt có 4 người lên đến chức Thượng thư (Đặng Đức Siêu, Nguyễn Đăng Tuấn giữ chức Thượng thư bộ Lễ, Hoàng Kim Hán, Nguyễn Kim Bảng giữ chức Thượng thư bộ Hình). Cả 4 người lên đến chức Thượng thư (tương đương với Bộ trưởng ngày nay) đều làm quan dưới thời Gia Long, Minh Mệnh. Thời Thiệu Trị có trường hợp Nguyễn Đăng Tuấn đã về hưu được gia chức Thượng thư bộ lễ, sung chức Sư bảo dạy các hoàng tử. Còn thời Tự Đức không có ai xuất thân từ tiến cử lên đến chức Thượng thư. Tình hình trên cho thấy: vào thời kì đầu, do vương triều vừa thiết lập, chế độ khoa cử chưa đi vào quy củ (6 năm một khoa) nên đội ngũ quan lại xuất thân từ khoa cử còn hiếm. Nhưng từ thời vua Minh Mệnh trở đi, việc khoa cử đã đi vào nề nếp, vì thế đội ngũ quan lại xuất thân từ khoa cử chiếm phần lớn, tỷ lệ quan lại do tiến cử, bảo cử giảm đi đáng kể. Đến thời Tự Đức, số quan lại xuất thân từ khoa cử đã gấp hơn 5 lần số quan lại tiến cử, bảo cử.

Đào tạo và sử dụng nhân tài trong việc cai quản đất nước và chăm lo dân chúng là một nguyên tắc chính trị, một chính sách quan trọng của nhà nước. Các vị vua đầu triều Nguyễn đã nắm bắt được tinh thần quý báu của văn hóa chính trị Việt Nam truyền thống, đó là tinh thần tôn trọng hiền tài trong việc trị nước. Chủ trương dùng người mềm dẻo, linh hoạt và thực dụng của các vị vua đầu triều Nguyễn đã đem lại những hiệu ích đáng kể. Với việc Ngô Đình Giới, Đặng Đức Siêu giữ chức Sư bảo; Đặng Đức Siêu, Nguyễn Đăng Tuấn giữ chức Thượng thư bộ Lễ, Nguyễn Kim Bảng, Hoàng Kim Hán giữ chức Thượng thư bộ Hình; Vũ Văn Giải làm quan trải 4 đời vua từ Gia Long đến Tự Đức; Nguyễn Tri Phương là nguyên lão tam triều được thờ ở đền Trung nghĩa... cho thấy nhà Nguyễn dùng người không câu nệ đường xuất thân mà chú trọng đến tài năng. Một điểm đáng ghi nhận nữa là trong chính sách sử dụng hiền tài, nhà Nguyễn không “dụng thân” như các triều đại Lý, Trần. Trong số 436 người có tên được ghi trong sách *Đại Nam liệt truyện* chỉ có 21 người tôn thất, chiếm tỉ lệ 6,07% đã phần nào chứng minh rõ điều đó. Với tôn thất mà không có tài, nhà Nguyễn chỉ phong tước để cho hưởng bổng lộc chứ không giao chức vụ. Đây rõ ràng là một “điểm cộng” cho nhà Nguyễn và là bài học hữu ích cho hiện nay. Cả hai cách thức dùng người thông qua thi cử hay tiến cử cuối cùng đều hướng đến một mục đích chung là tìm ra người giỏi để tham gia vào bộ máy quản lý nhà nước. Chính vì vậy, quan lại trong bộ máy hành chính triều Nguyễn (giai đoạn 1802 -1884) được đánh giá là hoạt động khá hiệu quả trong chức phận của họ [33]. Tuy nhiên, khác với thời Lê sơ, triều Nguyễn được thành lập trong bối cảnh lịch sử mà công cuộc xây dựng đất nước đặt ra những yêu cầu mới, đó là: đối với bộ máy quản lý đất nước, nó đòi hỏi không chỉ tăng về số lượng nhân sự mà cả còn phải gia tăng về chất lượng và năng lực quản lý đa lĩnh vực; quan hệ, ứng xử với bang giao không chỉ với những nền văn hóa “quen” hàng thế kỉ như Xiêm La, Ai Lao hay Trung Quốc nữa mà còn có các nước phương Tây như Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Mĩ... là những nền văn hóa khác, văn minh khác, phát triển cao hơn về kĩ thuật, công nghệ, tiềm năng quân sự... Trước những thách thức mới đó, nhà Nguyễn và các quan lại của vương triều này đã tỏ ra lạc hậu, không thích ứng được trước sự thay đổi của thời cuộc, để rồi đất nước ngày càng lạc hậu và chịu thất bại trước sức mạnh của văn minh phương Tây.

2.2 Một vài nhận xét

Nhìn lại phương thức tiến cử nhân tài của triều Nguyễn, chúng ta có thể thấy rõ ưu điểm đó là sự kế thừa, phát huy chính sách của tiền nhân, được thể hiện qua việc các vua Nguyễn đều coi đây là một chính sách quan trọng nhằm tìm kiếm người tài, đồng thời đã hoàn thiện “quy trình” bằng những quy định nghiêm ngặt với những tiêu chuẩn và trách nhiệm rõ ràng dành cho người

tiến cử và người được tiến cử, sau đó là quá trình sàng lọc, khảo sát, xét duyệt gặt gao trước khi bổ dụng... Với việc thực hiện phương thức tiến cử hiền tài bên cạnh khoa cử, nhà Nguyễn đã đáp ứng được nhu cầu quan lại trong Kinh ngoài trấn ở các địa phương, bổ sung được nguồn nhân lực phục vụ bộ máy quan lại quản lý và xây dựng đất nước.

Lịch sử chứng minh rằng khoa mục là con đường phổ biến, là cách thức tốt để tuyển chọn nhân tài. Ý thức được điều đó, nhà Nguyễn đã kế thừa và phát huy giáo dục khoa cử để tuyển chọn nhân tài và trong thực tế đội ngũ tiến sĩ dưới triều Nguyễn đã có nhiều đóng góp cho vương triều, đất nước. Dầu vậy, giáo dục khoa cử cũng không phải cách thức hoàn hảo là “cây đũa thần” trong tuyển dụng nhân tài, bởi cách thức này rõ ràng vẫn còn bỏ sót nhân tài vì một lí do nào đó mà thi không đỗ, hoặc không tham gia khoa thi hoặc đang ẩn dật trong nhân dân. Như trường hợp của Phạm Đình Hồ dù học giỏi có tiếng ở đất Bắc nhưng lại đau ốm khi kì thi diễn ra. Thân Văn Quyền ẩn dật ngay cạnh kinh thành Huế. Hay học vấn uyên thâm như Phan Huy Chú nhưng thi cử lại lận đận. Rồi Nguyễn Tri Phương xuất thân dòng dõi học hành khoa cử nhưng không “dùi mài kinh sử” để tiến thân mà lại theo nghiệp võ... Rõ ràng, nếu không có chính sách tiến cử nhân tài thì những Ngô Đình Giới, Phạm Đình Hồ, Thân Văn Quyền, Vũ Văn Giai, Nguyễn Đăng Tuân, Trương Đăng Quế, Phan Huy Chú, Nguyễn Tri Phương... đã bị bỏ sót và không có cơ hội thi triển tài năng, đóng góp công sức cho vương triều, đất nước, để rồi tên tuổi được lưu danh sử sách. Vì vậy, thực hiện chính sách tiến cử nhân tài không chỉ có ưu điểm bổ sung nguồn nhân lực trong bối cảnh vương triều mới thành lập mà về lâu dài còn có giá trị tích cực là không bỏ sót nhân tài, đa dạng hóa nguồn tuyển. Điều này cực kì hữu ích, đúng đắn, bởi khi đa dạng hóa nguồn tuyển thì không “bít đường của người tài” và sẽ “rộng cửa đón nhân tài”. Thực tế cho thấy, bất cứ một thể chế chính trị nào trên thế giới này khi tuyển người đều không dùng một cách, cho dù cách đó có hay có tốt đến mấy thì cũng khó mà hoàn hảo, là “cây đũa thần” phục vụ cho mong muốn của mình. Các vua đầu triều Nguyễn khi ban Chiếu, Dụ cầu người hiền luôn khẳng định quan điểm: “Dùng người không phải chỉ một lối, chọn học trò không phải chỉ một đường” [34; 821], là minh chứng cho thấy họ đã hiểu rõ giá trị của chính sách tiến cử nhân tài.

Bên cạnh những ưu điểm nói trên, chính sách tiến cử nhân tài cũng bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Có thể khẳng định một điều rằng, các vua từ Gia Long đến Tự Đức đều quan tâm đến việc tìm kiếm nhân tài cho bộ máy quan lại, nên đã nhiều lần ban Chiếu, Dụ cầu hiền nhằm tìm kiếm người tài thông qua con đường tiến cử khi hạ lệnh “quan trong Kinh ngoài trấn cử người mình biết”, nếu không cử người sẽ bị trách phạt. Thế nhưng, kết quả lại không như kì vọng khi số người tài được tiến cử không nhiều. Về điều này, chúng tôi cho rằng có những nguyên nhân chính sau đây: Một là, nền giáo dục nho giáo và sự lỗi thời lạc hậu của chế độ quân chủ đã không thể sản sinh ra nhiều nhân tài. Điều này lí giải vì sao các vị vua đầu triều Nguyễn rất chú trọng mở mang khoa cử, khuyến khích học hành, thi cử rộng khắp trong cả nước, ban hành nhiều chính sách thu hút, đãi ngộ người tài nhưng cuối cùng vua quan triều Nguyễn lại để đất nước rơi vào tay ngoại bang. Nội dung học hành kinh viện với những kiến thức sách vở Nho giáo xơ cứng đã tạo ra một lớp người trung quân, luôn tận lực với vua, với triều đình nhưng không đủ mặn tiệp và linh hoạt để nhận biết và giải quyết các vấn đề mà thời đại đặt ra. Chính vì vậy, đội ngũ quan lại trong bộ máy nhà nước triều Nguyễn hoạt động khá hiệu quả trong chức phận của họ nhưng lại tỏ ra bất cập, lạc hậu trước làn sóng khoa học – kĩ thuật của văn minh phương Tây. Trừ một số quan lại triều Nguyễn thức tỉnh trước biến động của thời cuộc, còn lại đa số những sản phẩm của nền giáo dục Nho học thời Nguyễn vẫn khur khur với những giáo điều mà họ tiếp thu nơi cửa Khổng sân Trình. Sự chối từ một cách triệt để và cực đoan văn minh phương Tây đã khiến họ thức thủ trước văn minh, kĩ thuật phương Tây, cuối cùng rơi vào thân phận nô lệ cho ngoại bang [35; 177]. Hai là, các quan lại thời Nguyễn đều xuất thân từ nền giáo dục Nho học, được học hành, được đào tạo bài bản, tính tình điềm đạm, ôn hòa... Nhà Nho khinh những người cậy sức khỏe lãn át kẻ khác. Nhà Nho chỉ "đầu khâu" chứ không thềm "đầu

chân tay", chê các võ quan là hạng "vai u, bắp thịt, mồ hôi đầu", "có khỏe mà chẳng có khôn", hoặc "văn thời tứ phẩm đã sang, võ thời nhất phẩm còn mang gươm hầu"... nên có tư tưởng không phục những người ít học dù họ có tài thực sự, vì thế không tiến cử họ. Ba là, việc nhà Nguyễn khảo sát, xét duyệt người được tiến cử gặt gao trước khi bổ dụng và xử phạt nghiêm khắc đối với những trường hợp cử không đúng người ít nhiều tác động tâm lý, làm "chùn tay" các quan, khiến họ chấp nhận thà bị trách phạt vì không tiến cử người còn hơn là bị giáng chức vì cử lầm người!. Bốn là, tâm lý hoài Lê của một bộ phận xã hội, họ vẫn nhớ ơn nhà Lê và coi nhà Lê mới là chính thống. Điều này lý giải vì sao các vua đầu triều Nguyễn nhiều lần xuống chiếu cầu hiền nhưng nhiều người tài năng vẫn không chịu tham gia chính sự triều Nguyễn. Như vậy, một lực lượng nhân tài đáng kể của đất nước đã không được huy động vào các hoạt động triều chính.

Dù đã có quy định nghiêm ngặt về tiêu chuẩn người tiến cử và người được tiến cử, nhưng chính sách này vẫn bị lạm dụng để cử người quen biết dù không có thực tài, thậm chí cử người vì nhận tiền của người được cử. Những trường hợp lạm cử đều bị nhà Nguyễn xử phạt nghiêm khắc. Theo chúng tôi, sự nghiêm khắc này vừa có tính răn đe vừa khiến các quan "chùn tay" trong việc tiến cử người tài.

3. Kết luận

Khi đất nước còn độc lập (1802 - 1884), các vua triều Nguyễn từ Gia Long đến Tự Đức đều hết sức quan tâm đến việc tìm kiếm nhân tài thông qua phương thức tiến cử. Nhiều chiếu, dụ cầu hiền, với các quy định chặt chẽ về tiêu chuẩn, trách nhiệm đối với người tiến cử và người được tiến cử được ban hành bởi bốn vị vua đầu triều Nguyễn. Trong tuyển chọn và sử dụng, triều Nguyễn cũng rất cởi mở với nhiều cách thức đa dạng, không câu nệ đường xuất thân mà chú trọng tài năng, tạo cơ hội thăng tiến rộng mở với người thực tài. Với những cố gắng đó, có thể khẳng định phương thức tiến cử nhân tài đã được triều Nguyễn thực hiện một cách công tâm, quy củ và kết quả đã tuyển chọn, huy động được không ít nhân tài đóng góp vào sự phát triển của đất nước lúc bấy giờ. Bên cạnh ưu điểm, phương thức tiến cử nhân tài của triều Nguyễn cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập. Có hạn chế do nguyên nhân chủ quan, có hạn chế do nguyên nhân khách quan, có hạn chế do yếu tố lịch sử. Dù vậy, trong quá trình "ôn cố tri tân", bài học từ việc tiến cử nhân tài của triều Nguyễn chắc chắn cũng sẽ rất hữu ích cho công tác cán bộ hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Thị Thanh Hòa, 1998. *Việc đào tạo và sử dụng quan lại của triều Nguyễn từ 1802 – 1884*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2] Phạm Hồng Tung, 2008. *Lược khảo về kinh nghiệm phát hiện, đào tạo, sử dụng nhân tài trong lịch sử Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Vũ Phương Hậu, 2012. Chính sách dùng người của triều Nguyễn. *Tạp chí Văn học nghệ thuật*, số 334 tháng 4/2012.
- [4] Nguyễn Thị Hiếu, 2013. Tư tưởng của Minh Mệnh về đào tạo, sử dụng người tài. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 7 (68), tr. 57-63.
- [5] Lưu Văn Quyết, 2018. Tuyển chọn và sử dụng quan lại ở Nam Bộ dưới thời vua Gia Long và Minh Mệnh. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, Số 9, tr. 37-47.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 1. Nxb Giáo dục.
- [7] Nội các triều Nguyễn, 1993. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 2. Nxb Thuận Hóa.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 2. Nxb Giáo dục.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 4. Nxb Giáo dục.
- [10] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 5. Nxb Giáo dục.

- [11] Nội các triều Nguyễn, 2005. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 2. Nxb Thuận Hóa.
- [12] Nội các triều Nguyễn, 2005. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 2. Nxb Thuận Hóa.
- [13] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007. *Đại Nam thực lục*, tập 7. Nxb Giáo dục.
- [14] Nội các triều Nguyễn, 1993. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 2. Nxb Thuận Hóa.
- [15] Nội các triều Nguyễn, 1993. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 2. Nxb Thuận Hóa.
- [16] Nội các triều Nguyễn, 1993. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 2. Nxb Thuận Hóa.
- [17] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 4. Nxb Giáo dục.
- [18] Nội các triều Nguyễn, 1993. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 2. Nxb Thuận Hóa.
- [19] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 7. Nxb Giáo dục.
- [20] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 2. Nxb Giáo dục.
- [21] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007. *Đại Nam thực lục*, tập 7. Nxb Giáo dục.
- [22] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007. *Đại Nam thực lục*, tập 7. Nxb Giáo dục.
- [23] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 2. Nxb Giáo dục.
- [24] Nội các triều Nguyễn, 1993. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 2. Nxb Thuận Hóa.
- [25] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 2. Nxb Giáo dục.
- [26] Nội các triều Nguyễn, 1993. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 2. Nxb Thuận Hóa.
- [27] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 1. Nxb Giáo dục.
- [28] Cục văn thư lưu trữ Nhà nước, 2015. *Tổng tập Công thần triều Nguyễn*. Nxb Chính trị Quốc gia.
- [29] Nội các triều Nguyễn, 1993. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 2. Nxb Thuận Hóa.
- [30] Cục văn thư lưu trữ Nhà nước, 2010. *Mục lục Châu bản triều Nguyễn*. Nxb Văn hóa Thông tin.
- [31] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2004. *Đại Nam thực lục*, tập 2. Nxb Giáo dục.
- [32] Cao Văn Thê, 2018. *Đội ngũ tiến sĩ dưới triều Nguyễn*. Khóa luận tốt nghiệp, Trường ĐHSP Đà Nẵng.
- [33] Vũ Phương Hậu, 2012. Chính sách dùng người của triều Nguyễn. *Tạp chí Văn học nghệ thuật*, số 334 tháng 4/2012.
- [34] Huỳnh Công Bá, 2011. *Lịch sử Việt Nam cổ trung đại*. Nxb Thuận Hóa.
- [35] Vũ Phương Hậu, 2014. *Chính sách văn hóa của triều Nguyễn*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

ABSTRACT

Finding and using the talent recommendation under the Nguyen dynasty (1802 – 1884)

Nguyen Duy Phuong¹ and Pham Dinh Duoc²

¹University of Science and Education, University of Danang

²Le Quy Don High School for the Gifted, Danang

In conclusion, talent recommendation was a policy commonly used by Vietnamese feudal dynasties, as well as the talent recruitment examinations; in order not to miss talented people who for some reason didn't take the exams and led a secluded life. During the Nguyen Dynasty, this policy was used quite effectively by which many talented people to be named as Nguyen Dang Tuan, Than Van Quyen, Phan Huy Chu, and Nguyen Tri Phuong were recommended. This policy with its advantages and drawbacks will open up useful experiences for current staff management.

Keywords: talent, Nguyen Dynasty, staff, recommendation.